

PHẬT NÓI KINH TRÌ MINH TẶNG DU GIÀ ĐẠI GIÁO
TÔN NA BỒ TÁT ĐẠI MINH THÀNH TỰU NGHI QUỸ
QUYỂN THỨ HAI

Long Thọ Bồ Tát lược trích từ TRÌ MINH TẶNG

*Hán dịch: Tây Thiên Dịch Kinh Tam Tặng_Triều Tán Đại Phu Thí Quang Lộc
Khanh_Minh Giáo Đại Sư (kẻ bầy tôi là) PHÁP HIỀN phụng chiếu dịch
Phục hồi Phạn Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH*

QUÁN TRÍ THÀNH TỰU
PHẦN THỨ HAI

Tiếp lại khen ngợi Tam Bảo với các Hiền Thánh

♪ Ca ngợi Phật là:
*Đức Phật dùng Đại Bi
Điều phục các chúng sanh
Thành biển Phước Công đức
Vì thế con tán lễ*

♪ Ca ngợi Pháp là:
*Diệu lý của Chân như
Hay hoại các nẻo ác
Lợi sinh, trụ tịch tĩnh
Vì thế con tán lễ*

♪ Ca ngợi Tăng là:
*Bền vững trì Giới Hạnh
Chứng nhập môn Giải thoát
Trụ cõi Công Đức thắng
Vì thế con tán lễ*

♪ Ca ngợi Tôn Na với các Hiền Thánh:
**_ Án , lạc khát sát đi la khát xoa noa nễ vĩ
Tát ly phộc lạc khát xoa noa man đi đa
Bôn noa dã hàm nga la hàm, nga la-dã
Thiết la noa nhạ nga đa tất-ly dã**

_ Tao ma-dã, tô ma nãng sa nễ phộc dã
Phộc la hạ phộc la na tất-ly dã
Bát nột-ma sa nãng bát nột-ma mục khế
Vĩ ma la, vĩ ma lệ khát-xoa noa

_ Câu ma lý ca thuế đa bà sa
Ô na dã lý ca, tam ma bát-la bà
Nhạ nãng nễ nga lý-nhạ nễ tỳ ma
Ma hạ di cụ già phộc lý-sa ni

_ A di đa, a mật-ly đa bà sa
A nhạ la, a ma la độ lỗ phộc
Tất đà, tất đà la dã ngạo lý
Bá đát-la hạ sa đa nhĩ đế dần niết-ly dã

_ Nại xá ba la di đa, bát-la bát đa
Nại xá bộ di số tăng tất-thể đa
Để-ly lộ ca nhạ nãng nễ đạt nễ-dã
A di đa lý-tha bát-la sa đạt nễ

_ Nhạ nga sa la khát-xoa nữ nại-dụ ngật-đa
Bát la dã ngật-ly bát dã nễ đa
Nga dã để-ly tát lý-phộc một đà nam
Sa vĩ để-ly tả nhĩ nỗ la sa

_ Đát-la noa bộ đa nhạ nga đà để-ly
Toa lý nga ma lý-nga bát-la nại lý-sa nam
Nhất tha lỗ ba, ma hạ ma dã
Nãng nãng nễ lý-ma noa lỗ bế ni

_ Bát-la đế hạ lý-dã ma hộ sa hạ
Bôn ni-dã tam bà la, tam bột-ly đa
Ác khát-xoa dã, ác khát-xoa la thú nễ-dã
Phiến đa kiến đa đát bế tất-thể đa

_ Đình nãng hạ la ma hạ tát đỏa
Tát đỏa nãng tất-ly để phộc sa la
Kiến đa la đa la ni nột-ly nga
Tát lý-phộc thương ca bát-la mô tả nễ

_ Nhạ diễn đế nhạ đa phệ na tả

Một-la hám-ma yết lạp-ba ma nỗ nhạ phộc
Tán đĩnh ca bá lý nỗ tả ma
Ma năng sa ma năng tế bộ đa

_ Tả ngu lê năng nghĩ nỗ, ngu tứ-dạ
Tô bà nga tất-ly đã nại lý sa-năng
Đạt la ni đà la ni Tôn Na
Phộc nỗ-dã để-ly bộ phộc nỗ toa lý

_ Phan ba thất-tổ đa la ni bố sắt-ni
Hột-ly sắt-trí na phiến để na dĩ nỗ
Đạt lý-ma nga lý-bà mẫu nỗ phộc la
Nỗ đà một đề tát la toa đế, mô khát-xoa ni

_ Tát lý-phộc tát đỏa nam
Na la nỗ, tát lý-phộc chỉ la-vĩ sa
Thế na nỗ bà phộc bát xá nam
Tinh hạ một-la đa bát tra một-ly đa

_ A ba la nhĩ đa lộ ca yết lý
Tát lý-phộc nột lý-nga để nỗ phộc la ni
Tao bà nga-dã na phộc hổ bộ nhạ
Để-ly lộ ca nhạ năng nỗ thất phộc

_ Cật-ly sắt-noa nhĩ năng phộc để a lý-dã
Tát lý-phộc ma la bát-la ma lý-na nỗ
Tát lý-phộc một đề bát-la thiết sa đa đã
Tam bộ-t-ly đa đã ngu ni lý ngu lung

_ A phộc lộ cát đa, tăng nghê-dã đã
Năng mô niết đất-dã cật-ly bá đất-ma nỗ
Ma hạ phộc la đã, tán noa đã
Vĩ di-dã la nhạ đã sa đạt phệ
Nột lý-nan đà na ma ca dạ đã
Năng mạc tất-để phộc nhật la bá noa duệ

_ Lại nữa, Hành Nhân ca ngợi Tam Bảo với Bản Tôn Tôn Na Bồ Tát như vậy xong, chấp tay chí tâm bày tỏ sám hối là:

“Con (họ tên ...) từ vô thủy đến nay luân hồi trong các nẻo đã tạo nghiệp Đại ác, hành Pháp bất thiện. Tự mình làm và dạy người làm, thấy nghe việc ấy đều tùy vui. Nghiệp như vậy thật là vô lượng vô biên. Giờ đối trước Phật, Bồ Tát xin tỏ bày sám

hối. Từ nay trở đi con chẳng dám gây tội nữa. Nguyên xin Phật Bồ Tát Đại từ Đại bi nhận lời sám hối của con”.

_ Lại nói rằng: “Con (họ tên ...) từ nay về sau sẽ đi thẳng đến ngôi ở Bồ Đề Đạo Trường. Thề xong, quy y Pháp Giới vắng lặng của Chánh Đẳng Chánh Giác Vô Thượng Như Lai cho đến Quy Y hết thầy A Phệ Phộc Lý Để Ca Đại Bồ Tát chúng ở bốn phương với Phật Bồ Tát. Xả bỏ thân mệnh không hề hối tiếc, nguyện xin Từ Bi nhiếp thọ cho con.

_ Lại nói rằng: “Con (họ tên ...) từ nay trở đi, thẳng đến ngôi ở Bồ Đề Đạo Trường. Đối với các Pháp Sở Hữu nơi UẨN, XỨ, GIỚI; tất cả đều Vô ngã, Vô Thủ, Vô Xả. Xa lìa tất cả tướng. Tự tính như hư không, xưa nay bình đẳng, cũng lại chẳng sinh Tâm của hư không, chỉ như Phật với các Bồ Tát phát Tâm Bồ Đề. Lại như Chư Phật từ Tâm Sơ Giác biết Phước tối thượng là đem các phước có được thầy tùy hỷ, hối thí cho Chư Phật, Bồ Tát, Duyên Giác, Thanh Văn, cho đến cùng tận giới chúng sinh. Con cũng tùy hỷ. đem Công đức này nguyện cho con sau này cũng ở tất cả giới chúng sinh như Phật Đại bi tuôn mưa Đại Pháp, mọi loại phước tiện; ở các Thế gian làm lợi ích lớn, lợi lạc cho chúng sinh. Dùng tâm dũng mãnh mau thành sự nghiệp.

Tại sao vậy? Vì giới phàm phu này là **Nan Địa** (Đất khó khăn, nguy hiểm) chẳng có cứu cánh. Con đối với tất cả chúng sinh của giới này, nguyện đều khiến cho được đạo Xuất Thế gian, vắng lặng, an vui. Đã được đạo rồi, con liền khiến cho được Công đức Tối thượng, A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề”.

Hành nhân **Tán Thán, Sám Hối, Tùy Hỷ, Hồi Hương, Phát Nguyện** như vậy xong. Liền kết **Đại Ấn**, kết xong lại kết **Tam Muội Ấn**, đem hai bàn tay cùng nắm quyền, kèm hai ngón giữa như cây kim, hai ngón trở hướng ra ngoài như cái Chày Kim Cương, đặt hai ngón cái bên cạnh hai ngón trở liền thành Ấn. Kết Ấn này, tụng Đại Minh là:

Ấn, thương yết lý (1) ma hạ tam ma duệ, sa-phộc hạ (2)

馮 戍 皓 刑 互 扣 屹 互 份 颯 扣

OM SAMKARE MAHÀ-SAMAYE SVÀHÀ

_ Tiếp, kết **Tam Ma Địa Ấn**, đặt tay trái ở lỗ rốn. Đặt tay phải bên trong tay trái, hai ngón cái và hai ngón trở cùng dính nhau liền thành Ấn. Tụng Đại Minh là:

Ấn, tôn (1)

馮 樞 俶

OM CUÑ

Kết Tam Ma Địa Ấn, tụng Đại Minh xong, liền nhập vào **Tam Ma Địa**. Quán trong trái tim mình như trước sinh ra một hoa sen lớn do mọi báu hợp thành. Ở trên hoa sen có **Tôn Na Bồ Tát** đủ năm phần Pháp Thân. Ở trong thân ấy tuôn ra ánh hào quang lớn. Nơi tuôn ra ánh sáng tùy vào Pháp đã làm hoặc màu trắng, hoặc màu vàng, hoặc màu đỏ, hoặc màu đen. Tùy hiện một màu tràn khắp thân ấy. Tưởng trong hào quang ấy tuôn ra chữ vi diệu, ở chữ vi diệu tuôn ra ánh sáng lớn. Ánh sáng ấy liền thành **Kim Cương Giới** (Vajra-dhātu) . Hành nhân tự tưởng thân của mình với thân

Hiền Thánh không sai khác. Sau đó lại quán trên chóp mũi có **Vật**, chuyên chú Tâm ấy tác **Từ** (Maitra:Ban vui cho người khác) kiên cố, hơi thở ra vào thật nhẹ nhàng, ngồi ngay thẳng khiến đầu, cổ, eo hơi cúi xuống. Lại ở bên trong trái tim mình quán có Đức Như Lai. Lại quán trong trái tim của Như Lai hiện vành mặt trời (Nhật luân), ở trong vành mặt trời hiện một hoa sen hé nở do mọi báu hợp thành. Ở trong hoa sen hiện Tôn Na Bồ Tát có thân như màu vàng ròng mặc áo màu trắng, mọi thứ trang nghiêm. Ở hai hông sườn của Tôn Na tuôn ra ánh sáng lớn. Lại tưởng trong lỗ tai, con mắt, cái miệng tuôn ra ngọn lửa lớn. Tác quán tưởng như vậy mỗi mỗi hiện trước mặt cho thật rõ ràng không có sai lầm. Sau đó, thân ánh sáng vào, cúi đầu đỉnh lễ, dâng hiến Át Già. Lại tụng **Phật Nhãn Bồ Tát Đại Minh** bảy biến hoặc 21 biến.

Hoặc vào lúc tác Pháp ngay trong Man Noa La, nằm ngủ lại gặp mộng ác, liền tụng **Phật Nhãn Bồ Tát Đại Minh** 800 biến. Ngay lúc tụng MINH, tay trái cầm tràng hạt, tay phải cầm Chày Kim Cương. Đại Minh là:

Ān, độ năng phộc nhật-la, Hác (1)

𑖀𑖔𑖧𑖩𑖫𑖬𑖭𑖮𑖯𑖰𑖱𑖲𑖳𑖴𑖵𑖶𑖷𑖸𑖹𑖺𑖻𑖼𑖽𑖾𑖿

OM _ DHUNA VAJRA _ HOH

_ Lại nữa, nói **Gia Trì Sở Châu Ấn**, duỗi rộng hai ngón giữa của hai tay, đem hai ngón trở đề giữ ngón giữa, dùng hai ngón cái, hai ngón vô danh, hai ngón út giữ tràng hạt. Tụng Đại Minh là:

Ān, A nột-bộ đế (1) vĩ nhạ duệ (2) tất đề tất đà lý-thế, sa-phộc hạ (3)

𑖀𑖔𑖧𑖩𑖫𑖬𑖭𑖮𑖯𑖰𑖱𑖲𑖳𑖴𑖵𑖶𑖷𑖸𑖹𑖺𑖻𑖼𑖽𑖾𑖿

OM_ ADBHUTE _ VIJAYE SIDDHI _ SIDDHA ARTHE _ SVÀHÀ

Lại chắp hai tay lại đặt trên đỉnh đầu, tiếp đặt trên trái tim, tụng Đại Minh là:

Ān, năng mô bà nga phộc đế, (1) tất đề (2) sa đạt dã (3) sa đạt dã (4) tất-đà lý-thế, sa-phộc hạ (5)

𑖀𑖔𑖧𑖩𑖫𑖬𑖭𑖮𑖯𑖰𑖱𑖲𑖳𑖴𑖵𑖶𑖷𑖸𑖹𑖺𑖻𑖼𑖽𑖾𑖿

OM NAMO BHAGAVATE _SIDDHI SÀDHAYA SÀDHAYA _SIDDHA ARTHE SVÀHÀ

Lại nữa, nói về Pháp làm **Sở Châu** (Tràng hạt):

Hoặc dùng hạt Bồ đề, hoặc Xà Cừ, Pha lê ... nên dùng 108 làm số (Chuỗi tràng hạt có 108 hạt). Nhờ Đồng nữ xe chỉ, lấy 21 sợi hợp thành một sợi chỉ mà xoắn kết hạt làm chuỗi. Lúc trì tụng dùng ngón cái lần chuỗi, mỗi một hạt thì tụng Đại Minh một biến.

_ Chữ của Đại Minh ấy cũng có ba loại. Hoặc dùng chữ của Đại Minh trong vành trắng ở trái tim, hoặc dùng chữ vi diệu của Pháp Đỉnh Lễ. Lúc Hành nhân trì tụng thời chí tâm chuyên chú chẳng được lười biếng.

Nếu làm Pháp **Tức Tai, Tăng Ích** thời tụng nhẹ nhàng chữ **Hồng** (HŪM) với chữ **Phát tra** (PHAT).

Nếu làm Pháp **Điều Phục** cũng dùng chữ **Hồng** với chữ **Phát tra**, chỉ khởi Tâm phần nộ dùng âm thanh giận dữ mà trì tụng.

Đây là **nghi tắc thông thường**.

Mỗi lần tác Pháp trì tụng xong thì thường tụng **Phật Nhân Đại Minh** rồi hiến **Át Già**. Tùy theo ước nguyện mà chí tâm cầu khẩn. Lại làm Cúng Dường, Tán Thán, Sám Tạ

“Con (họ tên ...) đã mời Chư Vị đến mà cúng dường đơn sơ không có gì thù diệu. Nguyện xin Bồ Tát vui vẻ bỏ qua cho”.

Lại hiến **Át Già** rồi làm **đỉnh lễ**.

Tác Pháp xong rồi **Phát Khiển Hiền Thánh**. Lui lại dùng **Câu Triệu Ấn**, chỉ dùng ngón cái dao động ba lần làm phát khiển. Đại Minh là:

Dã tứ dã tứ đế (1) vĩ ma nãng lỗ tranh (2), Vĩ tát lý nhạ duệ (3)

娑扛 娑扛包 合傑榕 吐入 合訶共 聖份

YAHİ YAHİTE VIMANA LOKAM VIPARI JAYE

Phát Khiển Hiền Thánh xong, Hành nhân lại tác **Man Noa La Phộc Ấn** ủng hộ ngay thân mình.

Tiếp tác **A Tam Hàm Nghĩ Nễ Ấn** (Asamamgni Mudra). Liền dùng **Tam Muội Ấn**, tách mở ngón cái đều như cây kim xoay chuyển theo bên trái. Tụng Đại Minh là:

Ấn, Ngộ lý, a tam hàm nghĩ nễ, hồng (1) phát tra

𨮒 𨮒 𨮒 𨮒 𨮒 𨮒 𨮒 𨮒 𨮒 𨮒

OM HRİH _ ASAMÀMGNI _ HÙM PHAT

Lại kết **Tam Muội Ấn** làm ủng hộ.

Lại tụng **Vô Năng Thắng Đại Minh**. Minh này hay thành tựu tất cả việc. Đại Minh là:

Năng mặc tam mãn đà một đà nam (1). Ấn (2) hổ lô (3) tán noa lý (4) ma đăng nghĩ, sa-phộc hạ (5)

榕休 屹傑阨 后湑酪 𨮒 𨮒 𨮒 𨮒 𨮒 𨮒 𨮒 𨮒 𨮒 𨮒

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM _OM, HULU HULU, CAṆḌARI
MATAṄGI, SVÀHÀ

Kết Ấn, tụng Minh làm **Ủng Hộ** xong, rồi làm **Đỉnh Lễ**. Hành Nhân nên trì tụng xong, mới đứng dậy ra khỏi Đạo Trường, chỉ được đọc Kinh **Bát Nhã Ba La Mật Đa** với làm tượng Phật, Thập Phật và xoa tô Mạn Noa La; ngoài ra liền ngưng nghĩ.

Hành Nhân mỗi khi ăn thời dùng Đại Minh gia trì tám biến, sau đó mới ăn. **Gia Trì Thực Đại Minh** là:

Ấn, phộc lan nại nỉ (1) đế nhĩ ma lý nễ, sa-phộc hạ (2)

𨮒 向銃 叨只 包兮 偈印仗祐 𨮒 扣振

OM VALIḤ DADE TEJE MĀLIṆI SVÀHÀ

Mỗi khi ăn xong dùng Đại Minh gia trì vào thức ăn dư rồi dùng hiến **Bát Động Tôn Minh Vương**. Đại Minh là:

Năng mặc tam man đa (1) phộc nhật la noãn, đát la tra (2) A mô già tán noa (3) lỗ sa noa, sa-bố tra dã (4) Hồng, đát la tra, hồng, hàm

巧休 屹互阢 向忠錘禱泣誑 晒伏千弋汔 勿好仕 劉誑伏禱獨 泣誑禱訓輶振

NAMAḤ SAMANTA VAJRANAM _ TRÀṬ _ AMOGHA CANḌA ROṢANA
SPHAṬYA _ HÙM _ TRÀṬ _ HÀM _ MÀM

Người hành trì tụng làm nước sạch chứa năm loại thuốc (ngũ dược tịnh thủy) .
Mỗi một lần làm, lấy nửa tháng làm giới hạn. Mỗi ngày uống cả hai thứ 3 lần, dùng lá
A La Xá làm vật chứa nước uống.

Năm loại thuốc là: Nước cốt sữa của con bò màu vàng, Cỏ Mấu Đát La Cỏ Ma
Gia, lạc (Sữa nấu chín), cỏ Cát Tường, nước... hòa hợp thành xong, liền tụng Đại
Minh gia trì sau đó mới uống. Đại Minh là:

**Năng mô bà nga phộc đế (1) ô sất-nị sa dã (2) An, vĩ thú đề (3) , vĩ la nhĩ (4)
thủy phệ (5) phiến đế ca lý (6) sa-phộc hạ (7)**

睿伏 矛丫邾包 梁砑她娒 駘合圩若 合娒元 圪吒 圭阢 迺共 颯扣

NAMO BHAGAVATE UṢṆIṢĀYA - OM _ VI'SUDDHE VIRAJI 'SIVE _
'SĀNTI KARI _ SVĀHĀ

Hành nhân dùng hoa màu hồng nhuộm chỉ, nhờ Đồng nữ hợp lại. Dùng Đại Minh
gia trì một ngàn biến, kết bầy gút xong, buộc cạnh eo lưng. Đại Minh là:

An, hạ la (1) hạ la (2) mãn đề thú cật-la đà lý ni (3) tất đề, sa phộc hạ (4)

駘扣娒扣娒 桎神 圩咒四娒仗 帆湑 颯扣

OM HÀRA HÀRA _ BANDHA 'SUKRA-DHĀRAṆI SIDDHI _ SVĀHĀ

Minh này cũng hay cấm phục Thú Cật La và hay phá Thiết Đốt Lỗ ('Sàtru : Oan
Gia).

Nghi quỹ như vậy, người hành trì tụng có thể dùng ba Thời làm giới hạn.

_ Lại nữa ở Pháp Môn **Du Già**, nếu muốn tu tập cầu các Tất Địa (Siddhi). Trước
tiên nơi thân của mình mọi loại tác Pháp, sám trừ Nghiệp đời trước (Túc Nghiệp)
khiến không có chương nạn. Nếu chẳng như vậy thì khó thành Thánh Đạo.

Lại nữa, lúc hành nhân muốn tác Pháp thời trước tiên nên phát Tâm xa lìa các
nơi ồn ào luận nghị, ở thân phần của mình, tưởng chữ vi diệu sao cho tướng của các
chữ, mỗi mỗi hiện trước mặt. Nếu được hiện trước mặt thì tất cả mọi **tội cấu** đều được
tiêu diệt.

Chữ vi diệu ấy. Trước tiên ở cửa miệng tưởng chữ HÀM (伐- MAM)

Ở trên vai phải tưởng chữ ÁM (唵 _ AM)

Ở trên vai trái tưởng chữ ÁC (廡 _ AH)

Ở trên đầu tưởng chữ ÁM (唵 _ AM)

Ở trên cánh tay phải tưởng chữ A (晒), trên cánh tay trái tưởng chữ PHỘC (研_
VA)

Ở trong lỗ rốn tưởng chữ HỒNG (獨_ HÙM).

Lại ở khắp thân tưởng chữ A (晒)

Chữ vi diệu như vậy đều là chữ Phạm

Lại nữa, Hành nhân mỗi lần tưởng chữ như vậy, lúc hiện ở trên thân phần thời liền lại tụng Đại Minh là:

Hồng, tả lệ tổ lệ, tôn nễ, hồng (1)

獨 昫 同 樞 同 樞 庭 獨

HÙM _ CALE CULE CU ẸDHE _ HÙM

Nếu tụng Minh này được một Lạc xoa biến (100 ngàn biến) thì hay trừ tất cả tội.

_ Lại tụng Đại Minh là:

Ăn, tả lệ tổ lệ Tôn nễ , phát tra (1)

較 昫 同 樞 同 樞 庭 備 誑

OM _ CALE CULE CU ẸDHE _ PHAT

Nếu tụng Minh này đến một Lạc xoa biến thì được Đại Trí Tuệ

_ Lại tụng Đại Minh là:

Năng mạc tả lệ tổ lệ tôn nễ năng mạc

榕 休 昫 同 樞 同 樞 庭 榕 休

NAMAḤ CALE CULE CU ẸDHE _ NAMAḤ

Thường trì Minh này thì hay trừ tất cả Trần cấu.

_ Tiếp, lại nói về **chữ vi diệu căn bản** của Chư Phật Bồ Tát. Ấy là:

Chữ MẬU (伐 - MAM) là căn bản của Diệu Cát Tường Bồ Tát (Mañju'srì Bodhisatva_ Văn Thù Bồ Tát)

Chữ MUỘI (伊-MAI) là căn bản của Từ Thị Bồ Tát (Maitrì Bodhisatva)

Chữ THẮT LY (胃 - 'SRÌ) là căn bản của Như Lai(Tathàgata), lại là căn bản của LÝ PHÊ Hiền Thánh.

Chữ ÁM (琿- AM) là căn bản của Phổ Hiền Bồ Tát (Samantabhadra Bodhisatva)

Chữ ÁC (廡 - AH) là căn bản của Hư Không Tạng Bồ Tát (Àkà'sa Garbha Bodhisatva)

Chữ A (紗 - À) là căn bản của tất cả Như Lai.

Chữ BỘT LONG (狛 - BHRÙM) là căn bản của Đại Luân Minh Vương (Mahà cakra Vidyaràja)

Chữ A (囉 - A) lại là căn bản của Quán Tự Tại Bồ Tát (Avalokite'svara bodhisatva) , lại là căn bản của Kim Cương Thủ Bồ Tát (Vajrapàni Bodhisatva)

Chữ HỒNG (獨 - HÙM) là căn bản của Diêm Ma Đắc Ca Minh Vương (Yamantaka Vidyaràja)

Chữ ÁN (較 - OM) là căn bản của Tỳ Lô Giá Na Phật (Vairocana Buddha)

Chữ TẢ (昫 - CA) là căn bản của Đại Luân Minh Vương.

Chữ LỆ (同 - LE) là căn bản của Bất Động Minh Vương (Acala Vidyaràja) , lại là căn bản của Mã Đầu Minh Vương (Hayagrìva Vidyaràja)

Chữ TÔN (憍 𨾏 - CU[•]N) là căn bản của Đại Tôn Na Bồ Tát (Mahà Cu[•]ndhe Bodhisatva)

Chữ NỄ (奴 - DHE) là căn bản của Kim Cương Tát Đỏa Bồ Tát (Vajrasatva Bodhisatva)

Chữ TOA (洩 - SVÀ) là căn bản của Y Ca Nha Tra (Eka-jata: Nhất Kế La Sát)

Chữ HẠ (扣 - HÀ) là căn bản của Phộc Nhật La Năng Khư (Vajra Dhaka)

_ Tiếp, lại diễn nói về các Ấn: là Trạch Địa Ấn, Lê Ấn (ấn cái cày), Phương Vị Ấn, Liên Hoa Ấn, Tam Xoa Ấn, Bát Lý Già Ấn, Quyển Sách Ấn, Câu Ấn, Đảo Xử Ấn (ấn cái chày dầm), Bột Tồn Ni Ấn, Bảo Trượng Ấn, Tọa Ấn, Kim Cương Tọa Ấn với Hiền Tọa Ấn, Tọa Tát Đế Ca Ấn, Nhạ Phộc Năng Ấn, Sư Tử Tọa Ấn, Thuyết Pháp Luân Ấn, Sư Tử Bộ Ấn (ấn bước đi của sư tử), Sư Tử Ngọa Ấn (ấn sư tử nằm), Phan Ấn, Phiến Ấn, Bạch Phát Ấn, Kim Cương Linh Chân Châu Anh Lạc Ấn, Pháp Cổ Ấn, Cát Tường Tử Ấn, Loa Ấn, Ưu Bát La Hoa Man Ấn, Kinh Ấn, Phần Nộ Bảo Ấn, Trì Thế Ấn, Ca Muu Ca Ấn, Tăng Già Lê Y Bát Ấn, Vô Úy Ấn, Pháp Luân Ấn, Hoa Ấn, Đồ Hương Ấn, Đẳng Ấn, Thực Ấn, Thịnh Triệu Bản Tôn Ấn, Phát Khiển Ấn, Cúng Dưỡng Ấn, Át Già Ấn, Y Phục Trang Nghiêm Ấn, Hiền Bình Ấn, Hoa Man Ấn, Thần Thông Ấn, Nhạ Phộc Năng Xá Ấn, Thất Di Lô Ấn, Bồ Đề Thọ Ấn, An Tam Muội Ấn, Trừ Ma Ấn, Đầu Đỉnh Khí Trượng Ấn, Định Ấn, Phật Nhân Ấn, Ma Ha Chỉ Ấn, Nhạ La Bá Ba Ni Ấn, Niết Lý Bát Dã Bát Nễ Ấn, Đát La Du Đạt Nễ Ấn, Tinh Tranh Tượng Ấn, Quân Trì Ấn, Ca La Dã Noa Ấn, Tản Cái Ấn, Cách Tỉ Ấn, Đỉnh Lễ Ấn, Mộc Dục Ấn...

84 Ấn của nhóm như vậy, đối với việc mong cầu thì hay ban cho thành tựu.

Tiếp, lại nói về các **Ấn tướng**, khiến cho các Hành nhân tu tập viên mãn được Pháp thành tựu. Lúc hành nhân muốn tác Pháp, trước tiên nên trong sạch thân tâm. Sau đó là dùng hương xoa bôi lên hai bàn tay thì mới có thể kết Ấn Khế. Hành nhân đứng ngay thẳng hướng mặt về phương Đông, chắp tay đặt trên đỉnh đầu đỉnh lễ **Tam Bảo**, sau đó đỉnh lễ Bản Tôn **Đại Tôn Na Bồ Tát**. Tiếp đỉnh lễ **Quán Tự Tại Bồ Tát**, tiếp đỉnh lễ **Kim Cương Thủ Bồ Tát**. Như vậy đỉnh lễ Chư Phật Bồ Tát xong rồi mới có thể kết ấn.

_ **KINH ẤN**: Chắp hai tay lại, dựng thẳng ngón trỏ, ngón giữa của tay trái và đặt ngón cái, ngón vô danh, ngón út vào trong lòng bàn tay phải. Đem ngón tay trái cùng kết lại thì thành ấn. Ấn này dùng ở lúc nhập vào Tam Muội và lúc tác Pháp thành tựu.

_ **PHƯƠNG VỊ ẤN**: Trước tiên, đứng thẳng làm thế múa bên phải (Hữu Vũ Thế) mà chuyển theo bên phải. Đem tay phải tác **Thí Nguyện**, tay trái làm tướng **Tam Phan** (3 cây Phan) đặt trên trán. Lại tác Hữu Vũ Thế rồi tác Tả Vũ Thế ... thì thành ấn. Ấn này hay hàng phục Sư tử, Rồng , Cọp với Bộ Đa (Bhuta), Quỷ Tất Xá Tả (Pi'sàca) ... cho đến nhóm giặc cướp.

_ Tiếp, **THUYẾT PHÁP ẤN**. Chắp hai tay lại, hai ngón cái như cây kim thì thành Ấn. Ấn này dùng vào lúc cúng dường Bản Tôn sẽ được chư Phật Bồ Tát với hàng Trời,

Rồng, Dạ Xoa , Hiến Đạt Lý Phộc, A Tô La, Nga Lỗ Noa, Khẩn Na La, Ma Hộ La Nga với các Trì Minh Thiên thấy đều vui vẻ, hay ban cho thành tựu.

_ Tiếp **LIÊN HOA ẤN**. Hai tay cùng hợp nhau như tướng hoa sen tám cánh khiến cho ngón tay không chạm nhau. Đem hai ngón cái vào trong lòng bàn tay thì thành ấn. Kết ấn này thời khiến cho Chư Thiên có Đại uy đức thấy đều vui vẻ, hay ban cho Hành Nhân việc Đại cát tường và thành tựu ước nguyện.

_ Tiếp, **TAM XOÀ ẤN**: tay trái nắm quyền, duỗi ngón trỏ, ngón giữa, ngón vô danh thì thành ấn. Ấn này có uy lực lớn dùng vào lúc tác Pháp **Tức Tai**.

_ Tiếp, **BÁT LÝ GIÀ ẤN**: Đem hai bàn tay đều đặt trên cánh tay, đều dựng ngón trỏ thành Ấn. Ấn này hay trừ tất cả bệnh sốt rét (ngược bệnh).

_ Tiếp, **QUYỀN SÁCH ẤN**: Hai tay cùng kèm song song nhau, đem ngón vô danh và ngón cái cùng móc nhau như cái khóa thì thành ấn. Ấn này ở trong Pháp **Kính Ai**, tác Câu Triệu thì có Công Đức lớn.

_ Tiếp **CÂU ẤN**. Tay trái có lóng ngón của ngón cái, ngón trỏ, ngón vô danh, ngón út như móc câu thì thành Ấn. Ấn này cũng ở trong Pháp **Kính Ai**, dùng tác Câu Triệu.

_ Tiếp, **ĐẢO XỬ ẤN**: Hai tay nắm quyền cùng hợp nhau. Đem ngón cái cùng cài chéo nhau thì thành ấn. Ấn này nên dùng ngưng trừ Tú Diệu (các vì sao) đại ác.

_ Tiếp, **BỘT TỐN NI ẤN**: Đặt hai tay kèm song song nhau, lại cùng đảo lộn đầu nắm quyền, Hai ngón trỏ kèm song song đầu ngón đưa vào bên trong hai ngón cái như một thì thành Ấn. Ấn này hay ngưng trừ với đẫy lui tất cả Quỷ ác

_ Tiếp **NGA NA ẤN**. Để hai tay kèm song song nhau, lại cùng đảo lộn đầu nắm quyền, lại hơi co ngón giữa vào trong ngón cái thì thành ấn. Ấn này dùng trong lúc tác Pháp **Điều Phục**, hay phá hoại Thiết Đốt Lỗ (‘Sàtru: oan gia) và ngưng trừ nhóm Dạ Xoa (Yakṣa), Tú Diệu đại ác.

_ Tiếp **BÁT TRÍ SA ẤN**: đem ngón cái, ngón út của tay phải đặt ở đầu ngón trỏ thì thành Ấn. Ấn này hay giáng phục A Tô La (Asura).

_ Tiếp, **TÒA ẤN**: Co ngón vô danh của tay phải, và duỗi rộng các ngón còn lại, hơi co ngón cái thì thành Ấn. Lúc kết Ấn này thời tướng thành Tòa báu hiến các Hiền Thánh.

_ Tiếp, **KIM CƯƠNG TÒA ẤN**: Hai tay cùng kèm song song nhau nắm quyền. Lại tác như Châm Phộc (cây kim đan cột buộc nhau). Đặt ngón cái vào ở dưới cây kim thì thành ấn. Lúc kết Ấn này thời tướng thành Tòa Kim Cương phụng hiến Phật Thế Tôn.

_ Tiếp, **HIỀN TÒA ẤN**: trước tiên, giương tay trái ngang bằng đặt ở dưới lỗ rốn. Giương bằng bằng phải đảo lộn với tay trái và đặt trên tay trái thì thành ấn. Ấn này lúc tác Man Noa La (làm Đàn) với lúc nhập định dùng hiến Tôn Na Bồ Tát với Kim Cương Thủ Bồ Tát.

_ Tiếp, **SA TẮT ĐẾ CA ẤN**: Trước tiên, ngồi ngay trên tòa hoa sen, đặt chân phải vượt qua chân trái. Lại dùng tay phải mở rộng đờ ngón cái tay trái thì thành ấn. Lúc tác Pháp thành tựu thì dùng ấn này, hay ban Tất Địa cho Hành nhân.

_ Tiếp, **NHẠ PHỘC NẮNG ẤN**: Trước tiên, đứng thẳng chân, sau đó lui lại, xoay chuyển theo bên phải. Hai tay đều nắm quyền, duỗi ngón giữa, dao động thì thành Ấn.

Hành Nhân dùng Ấn này trong lúc bị nạn lớn hoặc lúc bị cấm đoán trói buộc (cấm phộc) thì tất cả việc ấy chẳng có thể gây hại được.

_ Tiếp, **SU TỬ NGOẠ ẤN**: Trước tiên, tướng ngòai yên trên hoa sen. Liếc ngó về bên phải, lại quay lưng ngòai sau đó đem bàn chân phải vượt qua bàn chân trái, đặt bàn tay chạm đất thì thành Ấn. Dùng Ấn này vào lúc **Quán Tưởng**.

_ Tiếp, **PHAN ẤN**: Dựng thẳng ngón trỏ và ngón giữa của tay trái làm thế dao động thì thành Ấn. Dùng Ấn này vào lúc **Cúng Dường**.

_ Tiếp, **TRÀNG ẤN**: Tay phải nắm quyền, dựng thẳng ngón giữa thì thành Ấn. Dùng Ấn này vào lúc chiến đấu hoặc lúc có sự sợ hãi lớn.

_ Tiếp, **SU TỬ TỌA ẤN**: Trước tiên, đặt hai tay kèm song song nhau. Lại như hợp chưởng, để ngón giữa và ngón út như cây kim; ngón vô danh và ngón trỏ như cái vòng, dựng thẳng ngón cái lên trên cho cứng thì thành Ấn. Ấn này là **Thế Tôn Ấn** dùng để giáng phục Đại Dạ Xoa

_ Tiếp, **PHÁP ẤN**: Trước tiên, ngòai Kiết Già, tay trái nắm quyền dựng thẳng ngón trỏ, dùng tay phải nắm ngón trỏ tay trái, đặt ở lỗ rốn thì thành Ấn. Dùng ấn này để cầu giải thoát; tất cả Trời, Người thấy đều xưng tán.

_ Tiếp, đến **BÁT BỨC LUÂN ẤN**: Duỗi rộng hai bàn tay sao cho các ngón rời nhau rồi xoay chuyển trên đầu như tướng bánh xe (Luân Pháp) thì thành Ấn. Ấn này có uy lực hay trừ tất cả đại ác.

_ Tiếp, **SU TỬ BỘ ẤN**: Trước tiên, đứng ngay ngắn như con Sư tử, sau đó đặt tay trái ở sau lưng, rồi đặt ở bên phải, dựng ngón út như cây kim, hơi co hai ngón trỏ dang rộng cùng dính nhau. Đặt ngón cái bên cạnh ngón trỏ thì thành Ấn. Ấn này dùng vào lúc **Câu Triệu** và **Phát Khiển** ở trong Pháp **Kính Ái**.

Tiếp **các Ấn căn bản** của Tôn Na Bồ Tát. Dùng các Ấn tướng tại thân phần của Bồ Tát

_ **ĐỈNH LỄ ẤN**: Trước tiên đứng ngay thẳng, chắp tay lại làm tướng đỉnh lễ thì thành Ấn. Ấn này là **Tôn Na Đỉnh Lễ**, là Ấn tối thượng.

_ Tiếp, **LIÊN HOA ẤN**: Chẳng sửa tướng lúc trước, chắp tay lại đặt ở trái tim của Tôn Na. Liền dùng hai chân đảo lộn đầu thì thành Ấn. Đây cũng gọi là **Tối Thượng Ấn**

_ Tiếp, **ĐẦU ẤN**: Trước tiên, kiễng bàn chân trái, sau đó quỳ gối phải sát đất, tay phải đặt trên trán làm thế dao động. Lại để bốn ngón tay cùng kèm song song nhau, đặt ngón cái ở trong lòng bàn tay thì thành Ấn.

_ Tiếp, **ĐỈNH ẤN**: Để ngón giữa như cây kim và ngón cái của tay phải cùng vịn nhau thì thành Ấn. Ấn này nếu cùng dùng với **Giáp Trụ Đại Minh** thì cũng gọi là **Giáp Trụ Ấn**

_ Tiếp, **TÔN NA BẢN ẤN**: Trước tiên, dao động ngón cái của hai tay xong, chắp hai tay lại, để ngón cái của tay phải vào bên trong lòng bàn tay thì thành Ấn, đặt ở trên trái tim.

_ Tiếp, **HOA ẤN**: Hai tay nắm quyền, lại dựng hai bàn tay như cây kim, đặt ngón trỏ và ngón cái cùng móc hợp thành Ấn.

_ Tiếp, ĐẠI ẤN: Hai tay cùng kèm song song sao cho các ngón dừng dính nhau. Đặt ngón cái ở lóng thứ ba của ngón út, sau đó nắm quyền bên chắc thì thành Ấn. Đặt ấn này ở Bản Tâm (Trái tim của mình) , liền tụng Đại Minh bảy biến thì hay làm tất cả Pháp.

_ Tiếp, ĐỆ NHỊ ẤN: (Ấn thứ hai) Liền dùng ấn lúc trước, dựng hai ngón cái, giương duỗi các ngón còn lại dừng cho dính nhau thì thành Ấn.

_ Tiếp, ĐỆ TAM ẤN: (Ấn thứ ba) Dùng ấn lúc trước, đều đặt ngón trỏ ở lóng thứ ba của ngón giữa thì thành Ấn.

_ ĐỆ TỨ ẤN: (Ấn thứ tư) Đem hai tay duỗi rộng các ngón, đều co lóng giữa. Lại đặt ngón giữa, ngón vô danh ở trên ngón cái; lại đem ngón giữa, ngón vô danh đặt ngay lóng giữa thì thành Ấn.

_ Tiếp, KINH ẤN: Đem hai ngón cái đều vịn móng hai ngón út, lại đem ngón tay phải đặt trên tay trái thì thành Ấn.

_ Tiếp, LOA ẤN: Giương rộng ngón trỏ, ngón giữa của hai tay sao cho dính nhau, để ngón út vịn móng ngón cái bên chắc thì thành Ấn.

_ Tiếp, ĐỊNH ẤN: Trước tiên ngồi Kiết Già, giương rộng hai bàn tay, đặt tay phải trên tay trái sao cho móng hai ngón cái dính nhau rồi để dưới lỗ rốn thì thành Ấn.

Các **Ấn Tượng** như vậy cũng tùy phần diễn nói, Hành Nhân tu hành thành tâm ghi nhớ tu tập khiến cho tinh thực. Vào lúc tác Pháp thời không để cho lầm lỗi. Nếu có chút nghi ngờ, sai lầm thì chẳng thành Ấn Khế tức Hiền Thánh chẳng vui, phạm sự cầu đảo chẳng được thành tựu.

PHẬT NÓI KINH TRÌ MINH TẠNG DU GIÀ ĐẠI GIÁO
TÔN NA BỒ TÁT ĐẠI MINH THÀNH TỰU NGHI QUỸ
QUYỂN THỨ HAI (Hết)